

## ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I

Năm học: 2024 - 2025

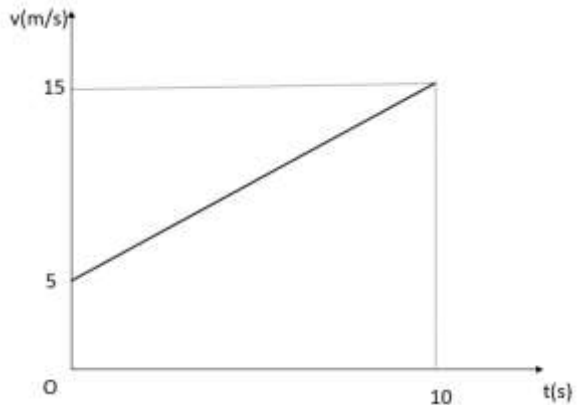
MÔN: VẬT LÝ 10

Thời gian làm bài: 50 phút

Mã đề: 101

**PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.****Câu 1.** Đơn vị đo của gia tốc là:A.  $m^2/s$ B.  $m/s$ C.  $m.s$ D.  $m/s^2$ **Câu 2.**

Một chất điểm chuyển động thẳng biến đổi đều có đồ thị vận tốc theo thời gian như hình vẽ. Độ lớn gia tốc của chất điểm là

A.  $10 m/s^2$ .B.  $1,5 m/s^2$ .C.  $0,5 m/s^2$ .D.  $1,0 m/s^2$ .**Câu 3.** Điều nào sau đây đúng khi nói về vận tốc?

A. Vận tốc của một vật có thể coi là tốc độ của nó theo một phương.

B. Vận tốc của một vật có thể coi là tốc độ của nó theo một hướng xác định.

C. Vận tốc của một vật được tính bằng quãng đường đi chia cho khoảng thời gian đi hết quãng đường ấy.

D. Vận tốc của một vật là đại lượng vô hướng.

**Câu 4.** Độ dịch chuyển và quãng đường đi được của vật có độ lớn bằng nhau khi vật

A. chuyển động trên đường cong.

B. chuyển động thẳng và không đổi chiều.

C. chuyển động thẳng và đổi chiều chỉ 1 lần.

D. chuyển động trên đường tròn.

**Câu 5.** Một người đi bộ theo đường thẳng  $AB = 50m$ , từ A đến B rồi quay về A. Góc tọa độ O ở trong khoảng AB, cách A một khoảng 10m, chiều dương từ A đến B. Độ dịch chuyển khi người này đi từ A đến O là

A. 40m.

B. 10m.

C. 0m.

D. 20m.

**Câu 6.** Hiện tượng vật lí nào sau đây liên quan đến kiến thức được hình thành từ suy luận dựa trên lí thuyết đã biết?

A. Âm thanh không truyền được trong chân không mà chỉ truyền được trong chất rắn, lỏng và khí.

B. Thả rơi một vật từ trên cao xuống đất.

C. Ném một quả bóng lên cao.

D. Ánh sáng truyền theo đường thẳng được chứng minh bằng thí nghiệm.

**Câu 7.** Một chiếc xe máy chạy trong 3 giờ đầu với tốc độ 30 km/h, 2 giờ kế tiếp với tốc độ 40 km/h. Tốc độ trung bình của xe là

A. 30 km/h.

B. 40 km/h.

C. 35 km/h.

D. 34 km/h.

**Câu 8.** Tiến trình tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ vật lí bao gồm các bước theo thứ tự sau:

A. Hình thành giả thuyết; quan sát, suy luận; đề xuất vấn đề; kiểm chứng giả thuyết; rút ra kết luận.

B. Đề xuất vấn đề; quan sát, suy luận; hình thành giả thuyết; kiểm chứng giả thuyết; rút ra kết luận.

C. Hình thành giả thuyết; kiểm chứng giả thuyết; quan sát, suy luận; rút ra kết luận.

D. Quan sát, suy luận; đề xuất vấn đề; hình thành giả thuyết; kiểm chứng giả thuyết; rút ra kết luận.

**Câu 9.** Nếu một vật tham gia vào hai chuyển động theo hai phương và mỗi phương có một vận tốc thì vận tốc tổng hợp của vật này bằng

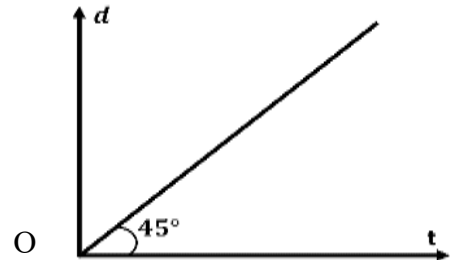
- A. tổng hai vận tốc nói trên
- B. thương hai vận tốc nói trên
- C. tích hai vận tốc nói trên
- D. hiệu hai vận tốc nói trên

**Câu 10.** Tốc độ là đại lượng đặc trưng cho

- A. quãng đường mà vật chuyển động.
- B. tính chất nhanh hay chậm của chuyển động.
- C. thời gian mà vật chuyển động.
- D. sự thay đổi vị trí của vật trong chuyển động.

**Câu 11.**

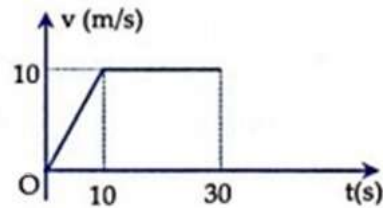
Cho đồ thị độ dịch chuyển – thời gian của một vật chuyển động trên một đường thẳng như hình. Chọn phát biểu đúng



- A. Vật đang chuyển động thẳng với tốc độ không đổi.
- B. Vật đang chuyển động thẳng theo hướng  $45^0$  đông-bắc.
- C. Vật đang đứng yên.
- D. Vật chuyển động thẳng nhanh dần đều.

**Câu 12.**

Cho đồ thị vận tốc- thời gian của một vật chuyển động trên đường thẳng như hình vẽ. Chọn phát biểu đúng



- A. Trong khoảng thời gian từ 10s đến 30s vật chuyển động thẳng đều.
- B. Trong khoảng thời gian từ 0 đến 30s vật chuyển động nhanh dần.
- C. Trong khoảng thời gian từ 10s đến 30s vật đứng yên.
- D. Trong khoảng thời gian từ 0 đến 10s vật chuyển động thẳng đều.

**Câu 13.** Đối tượng nghiên cứu của Vật lý là

- A. nghiên cứu về chất, năng lượng và mối quan hệ giữa chúng.
- B. quy luật vận động, phát triển của sự vật hiện tượng.
- C. nghiên cứu sự trao đổi chất trong cơ thể con người.
- D. chỉ nghiên cứu về các dạng năng lượng.

**Câu 14.** Chọn phát biểu đúng khi nói về độ dịch chuyển.

A. Độ dịch chuyển là đại lượng vô hướng và có độ lớn bằng khoảng cách từ điểm đầu đến điểm cuối của quỹ đạo.

- B. Độ dịch chuyển là khoảng cách mà vật di chuyển được theo một hướng xác định.
- C. Độ dịch chuyển là đại lượng véc tơ và có độ lớn luôn bằng quãng đường vật đi được.
- D. Độ lớn độ dịch chuyển bằng tổng quãng đường vật đi được.

**Câu 15.**

Một học sinh đi học ở một trường học cách nhà 2km. Sáng học sinh đi từ nhà đến trường, sau khi tan học thì về nhà. Độ lớn độ dịch chuyển và quãng đường của học sinh đó khi đi từ nhà đến trường rồi quay trở về nhà lần lượt là



- A. 2km và 4km.                      B. 1km và 2km.                      C. 4km và 2km.                      D. 0 km và 4km.

**Câu 16.** Những thành quả trong nghiên cứu vật lí bán dẫn và phát triển các loại vật liệu mới là sự đóng góp của vật lí đối với

- A. sự phát triển công nghệ nano                      B. sự phát triển bền vững  
C. sự phát triển của y học                      D. sự phát triển giao thông

**Câu 17.** Để đảm bảo an toàn trong phòng thực hành, học sinh cần thực hiện các nguyên tắc nào dưới đây?

- A. Có thể nhận biết hóa chất bằng cách ngửi hóa chất.  
B. Mang đồ ăn, nước uống vào phòng thực hành.  
C. Tuân theo hướng dẫn của thầy cô giáo và thực hiện các quy định của phòng thực hành.  
D. Làm thí nghiệm theo sự hướng dẫn của bạn bè cùng nhóm.

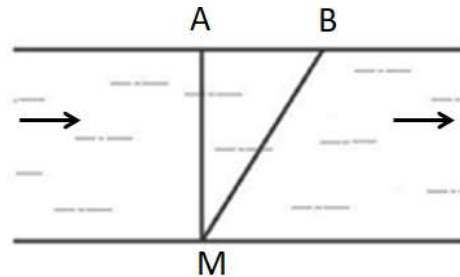
**Câu 18.** Phát biểu nào sau đây đúng. Gia tốc là đại lượng đặc trưng cho

- A. độ biến thiên của độ dịch chuyển theo thời gian.  
B. độ biến thiên vận tốc theo thời gian.  
C. sự nhanh hay chậm của chuyển động.  
D. sự thay đổi vận tốc.

**PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.**

**Câu 1.**

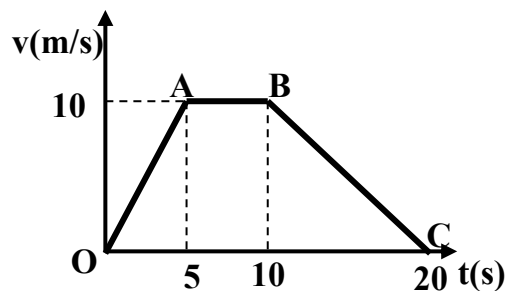
Một người điều khiển ca nô từ vị trí M (hình vẽ) chuyển động theo hướng vuông góc với bờ sông theo hướng bắc để sang bờ bên kia tại vị trí A với vận tốc  $v_1 = 4m/s$  khi nước sông yên lặng. Tuy nhiên có một dòng chảy về phía đông với vận tốc  $v_2 = 3m/s$  nên ca nô cập bờ bên kia tại vị trí B. Biết sông rộng 150m.



- a) Quãng đường ca nô đi được là 150m.  
b) Độ lớn độ dịch chuyển của ca nô là đoạn MB.  
c) Vectơ vận tốc tổng hợp của ca nô lệch khỏi hướng bắc một góc  $36^{\circ}52'$  về phía đông.  
d) Vectơ vận tốc tổng hợp của ca nô là  $\vec{v} = \vec{v}_1 + \vec{v}_2$

**Câu 2.**

Hình bên là đồ thị vận tốc- thời gian của một ô tô chuyển động trên một đường thẳng. Chọn chiều dương là chiều chuyển động của xe.



- a) Trong khoảng thời gian từ giây thứ 5 đến giây thứ 10 xe có gia tốc tăng đều.  
b) Trong khoảng thời gian từ giây thứ 10 đến giây thứ 20 gia tốc của xe có giá trị âm.  
c) Độ lớn độ dịch chuyển của xe trong khoảng thời gian 20s kể từ lúc chuyển động là 130m.

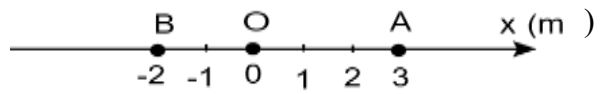
d) Chuyển động của xe trong 5s đầu có vận tốc thay đổi nên trong khoảng thời gian này xe có gia tốc.

**Câu 3.** Một học sinh đo chiều dài cây bút chì và thu được kết quả được viết như sau:  $l = 6,02 \pm 0,05$  (cm)

- Giá trị sai số tỉ đối của phép đo bằng 0,05cm.
- Giá trị trung bình của phép đo chiều dài cây thước là 0,05cm.
- Cách để làm giảm sai số ngẫu nhiên trong phép đo trên là tiến hành đo nhiều lần.
- Yếu tố gây sai số chỉ là sai số của dụng cụ đo.

**Câu 4.**

Một vật chuyển động thẳng từ O đến A mất 2 giây, sau đó đi thẳng về B mất 3 giây như hình vẽ.



- Độ dịch chuyển của vật khi đi trong 2 giây đầu là 3m.
- Tốc độ trung bình của vật trong cả quá trình chuyển động bằng 1,6m/s
- Vận tốc trung bình của vật trong cả quá trình chuyển động bằng 0,4m/s
- Trong cả quá trình vật chuyển động độ lớn độ dịch chuyển bằng quãng đường.

**PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.**

**Câu 1.** Tiến hành thí nghiệm đo tốc độ trung bình của viên bi thép người ta thu được kết quả đo quãng đường và thời gian cho ở bảng dưới đây:

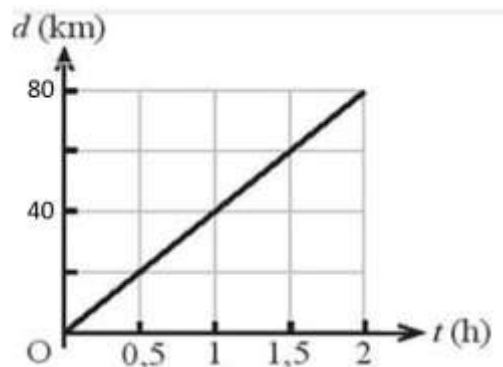
Quãng đường $s=0,5m$			
<b>Thời gian</b>	<b>Lần 1</b>	<b>Lần 2</b>	<b>Lần 3</b>
<b>t (s)</b>	0,777	0,780	0,776

Tốc độ trung bình của viên bi thép bằng bao nhiêu m/s? (làm tròn kết quả sau dấu phẩy hai chữ số).

**Câu 2.** Một con kiến bò dọc theo cạnh của một mặt bàn có dạng hình chữ nhật ABCD, biết  $AB=40cm$ ,  $BC=30cm$ . Khi con kiến bò từ A đến B rồi đến C thì độ dịch chuyển của con kiến là bao nhiêu mét (m)?

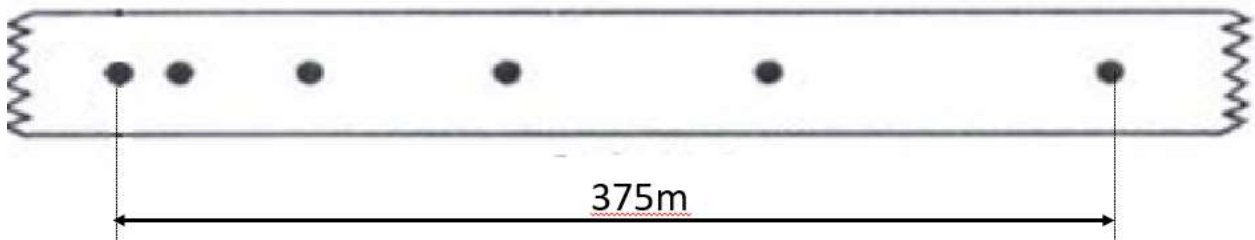
**Câu 3.**

Một ô tô chuyển động trên đường thẳng có đồ thị độ dịch chuyển – thời gian như hình. Vận tốc của ô tô bằng bao nhiêu km/h?



**Câu 4.**

Một ô tô chạy thử nghiệm trên một đoạn đường thẳng, cứ 5s thì có một giọt dầu từ động cơ của ô tô rơi thẳng xuống mặt đường. Hình dưới cho thấy mô hình các giọt dầu để lại trên mặt đường. Ô tô chuyển động trên đoạn đường này với tốc độ trung bình bao nhiêu m/s?



**Câu 5.** Một ô tô đang chuyển động trên một đoạn đường thẳng với vận tốc 36km/h thì hãm phanh, sau 20s từ lúc hãm phanh xe dừng lại. Gia tốc của xe có giá trị bằng bao nhiêu  $m/s^2$ ?

**Câu 6.** Một vận động viên bơi về phía bắc với vận tốc 2,0m/s, nước sông chảy với vận tốc 1,5m/s về phía tây. Vận tốc tổng hợp của vận động viên bằng bao nhiêu m/s?

----- HẾT -----

# ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I

Năm học: 2024 - 2025

MÔN: VẬT LÝ 10

Thời gian làm bài: 50 phút

Mã đề: 102

**PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**

**Câu 1.** Một người đi bộ theo đường thẳng  $AB = 50\text{m}$ , từ A đến B rồi quay về A. Góc tọa độ O ở trong khoảng AB, cách A một khoảng 10m, chiều dương từ A đến B. Độ dịch chuyển khi người này đi từ A đến O là

- A. 10m.                      B. 20m.                      C. 0m.                      D. 40m.

**Câu 2.** Tốc độ là đại lượng đặc trưng cho

- A. tính chất nhanh hay chậm của chuyển động.      B. thời gian mà vật chuyển động.  
C. quãng đường mà vật chuyển động.                      D. sự thay đổi vị trí của vật trong chuyển động.

**Câu 3.**

Một học sinh đi học ở một trường học cách nhà 2km. Sáng học sinh đi từ nhà đến trường, sau khi tan học thì về nhà. Độ lớn độ dịch chuyển và quãng đường của học sinh đó khi đi từ nhà đến trường rồi quay trở về nhà lần lượt là



- A. 2km và 4km.                      B. 0 km và 4km.                      C. 4km và 2km.                      D. 1km và 2km.

**Câu 4.** Tiến trình tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ vật lý bao gồm các bước theo thứ tự sau:

- A. Quan sát, suy luận; đề xuất vấn đề; hình thành giả thuyết; kiểm chứng giả thuyết; rút ra kết luận.  
B. Đề xuất vấn đề; quan sát, suy luận; hình thành giả thuyết; kiểm chứng giả thuyết; rút ra kết luận.  
C. Hình thành giả thuyết; kiểm chứng giả thuyết; quan sát, suy luận; rút ra kết luận.  
D. Hình thành giả thuyết; quan sát, suy luận; đề xuất vấn đề; kiểm chứng giả thuyết; rút ra kết luận.

**Câu 5.** Phát biểu nào sau đây đúng. Gia tốc là đại lượng đặc trưng cho

- A. độ biến thiên của độ dịch chuyển theo thời gian.      B. sự thay đổi vận tốc.  
C. sự nhanh hay chậm của chuyển động.                      D. độ biến thiên vận tốc theo thời gian.

**Câu 6.** Một chiếc xe máy chạy trong 3 giờ đầu với tốc độ 30 km/h, 2 giờ kế tiếp với tốc độ 40 km/h. Tốc độ trung bình của xe là

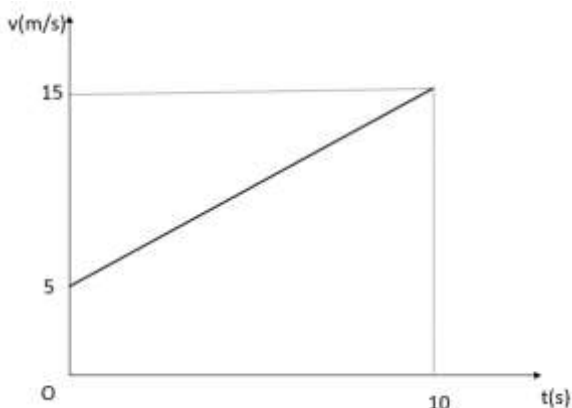
- A. 40 km/h.                      B. 30 km/h.                      C. 34 km/h.                      D. 35 km/h.

**Câu 7.** Để đảm bảo an toàn trong phòng thực hành, học sinh cần thực hiện các nguyên tắc nào dưới đây?

- A. Mang đồ ăn, nước uống vào phòng thực hành.  
B. Tuân theo hướng dẫn của thầy cô giáo và thực hiện các quy định của phòng thực hành.  
C. Làm thí nghiệm theo sự hướng dẫn của bạn bè cùng nhóm.  
D. Có thể nhận biết hóa chất bằng cách ngửi hóa chất.

**Câu 8.**

Một chất điểm chuyển động thẳng biến đổi đều có đồ thị vận tốc theo thời gian như hình vẽ. Độ lớn gia tốc của chất điểm là



- A.  $0,5 \text{ m/s}^2$ .                      B.  $1,5 \text{ m/s}^2$ .                      C.  $1,0 \text{ m/s}^2$ .                      D.  $10 \text{ m/s}^2$ .

**Câu 9.** Những thành quả trong nghiên cứu vật lí bán dẫn và phát triển các loại vật liệu mới là sự đóng góp của vật lí đối với

- A. sự phát triển của y học
- B. sự phát triển công nghệ nano
- C. sự phát triển giao thông
- D. sự phát triển bền vững

**Câu 10.** Đối tượng nghiên cứu của Vật lí là

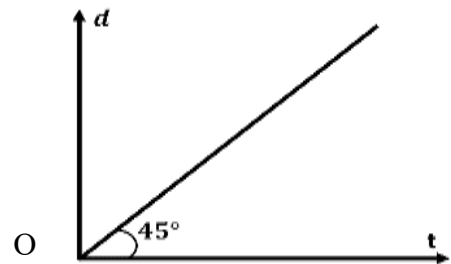
- A. chỉ nghiên cứu về các dạng năng lượng.
- B. nghiên cứu sự trao đổi chất trong cơ thể con người.
- C. quy luật vận động, phát triển của sự vật hiện tượng.
- D. nghiên cứu về chất, năng lượng và mối quan hệ giữa chúng.

**Câu 11.** Chọn phát biểu đúng khi nói về độ dịch chuyển.

- A. Độ dịch chuyển là khoảng cách mà vật di chuyển được theo một hướng xác định.
- B. Độ dịch chuyển là đại lượng vô hướng và có độ lớn bằng khoảng cách từ điểm đầu đến điểm cuối của quỹ đạo.
- C. Độ dịch chuyển là đại lượng véc tơ và có độ lớn luôn bằng quãng đường vật đi được.
- D. Độ lớn độ dịch chuyển bằng tổng quãng đường vật đi được.

**Câu 12.**

Cho đồ thị độ dịch chuyển – thời gian của một vật chuyển động trên một đường thẳng như hình. Chọn phát biểu đúng



- A. Vật đang chuyển động thẳng với tốc độ không đổi.
- B. Vật đang đứng yên.
- C. Vật chuyển động thẳng nhanh dần đều.
- D. Vật đang chuyển động thẳng theo hướng  $45^0$  đông-bắc.

**Câu 13.** Đơn vị đo của gia tốc là:

- A. m.s
- B.  $m^2/s$
- C.  $m/s^2$
- D. m/s

**Câu 14.** Nếu một vật tham gia vào hai chuyển động theo hai phương và mỗi phương có một vận tốc thì vận tốc tổng hợp của vật này bằng

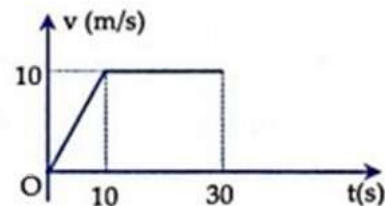
- A. thương hai vận tốc nói trên
- B. hiệu hai vận tốc nói trên
- C. tổng hai vận tốc nói trên
- D. tích hai vận tốc nói trên

**Câu 15.** Điều nào sau đây đúng khi nói về vận tốc?

- A. Vận tốc của một vật là đại lượng vô hướng.
- B. Vận tốc của một vật được tính bằng quãng đường đi chia cho khoảng thời gian đi hết quãng đường ấy.
- C. Vận tốc của một vật có thể coi là tốc độ của nó theo một phương.
- D. Vận tốc của một vật có thể coi là tốc độ của nó theo một hướng xác định.

**Câu 16.**

Cho đồ thị vận tốc- thời gian của một vật chuyển động trên đường thẳng như hình vẽ. Chọn phát biểu đúng



- A. Trong khoảng thời gian từ 10s đến 30s vật đứng yên.
- B. Trong khoảng thời gian từ 10s đến 30s vật chuyển động thẳng đều.
- C. Trong khoảng thời gian từ 0 đến 30s vật chuyển động nhanh dần.
- D. Trong khoảng thời gian từ 0 đến 10s vật chuyển động thẳng đều.



**Câu 17.** Hiện tượng vật lí nào sau đây liên quan đến kiến thức được hình thành từ suy luận dựa trên lí thuyết đã biết?

- A. Thả rơi một vật từ trên cao xuống đất.
- B. Ném một quả bóng lên cao.
- C. Âm thanh không truyền được trong chân không mà chỉ truyền được trong chất rắn, lỏng và khí.
- D. Ánh sáng truyền theo đường thẳng được chứng minh bằng thí nghiệm.

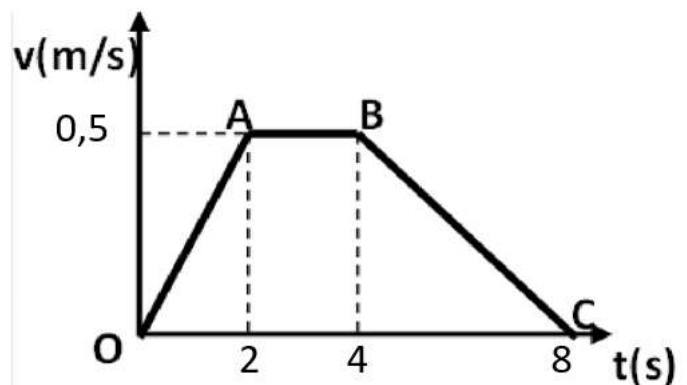
**Câu 18.** Độ dịch chuyển và quãng đường đi được của vật có độ lớn bằng nhau khi vật

- A. chuyển động thẳng và không đổi chiều.
- B. chuyển động trên đường cong.
- C. chuyển động thẳng và đổi chiều chỉ 1 lần.
- D. chuyển động trên đường tròn.

**PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.**

**Câu 1.**

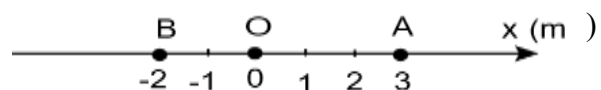
Hình bên là đồ thị vận tốc- thời gian của một xe ô tô đồ chơi chuyển động trên một đường thẳng. Chọn chiều dương là chiều chuyển động của xe.



- a) Trong khoảng thời gian từ giây thứ 2 đến giây thứ 4 gia tốc của xe tăng đều.
- b) Trong khoảng thời gian từ giây thứ 4 đến giây thứ 8 xe chuyển động chậm dần.
- c) Độ lớn độ dịch chuyển của xe trong khoảng thời gian 8s kể từ lúc chuyển động là 2,5m.
- d) Trong khoảng thời gian 2s kể từ lúc chuyển động, gia tốc của xe có giá trị âm.

**Câu 2.**

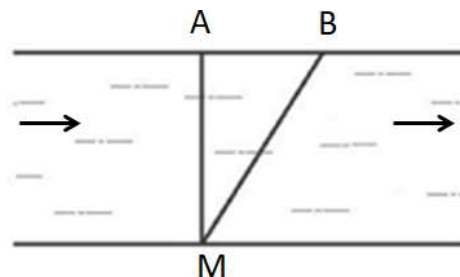
Một vật chuyển động thẳng từ O đến A mất 4 giây, sau đó đi thẳng về B mất 6 giây như hình vẽ.



- a) Vận tốc trung bình của vật trong cả quá trình chuyển động bằng 0,2m/s
- b) Trong cả quá trình vật chuyển động độ lớn độ dịch chuyển không bằng quãng đường.
- c) Tốc độ trung bình của vật trong cả quá trình chuyển động bằng 0,8m/s
- d) Độ dịch chuyển của vật khi đi trong 4 giây đầu là 3m.

**Câu 3.**

Một người điều khiển ca nô từ vị trí M (hình vẽ) chuyển động theo hướng vuông góc với bờ sông theo hướng bắc để sang bờ bên kia tại vị trí A với vận tốc  $v_1 = 6m/s$  khi nước sông yên lặng. Tuy nhiên có một dòng chảy về phía đông với vận tốc  $v_2 = 3m/s$  nên ca nô cập bờ bên kia tại vị trí B. Biết sông rộng 250m.



- a) Độ lớn độ dịch chuyển của ca nô là 250m.
- b) Vectơ vận tốc tổng hợp của ca nô là  $\vec{v} = \vec{v}_1 - \vec{v}_2$
- c) Vectơ vận tốc tổng hợp của ca nô lệch khỏi hướng bắc một góc  $42^{\circ}15'$  về phía đông.
- d) Quãng đường ca nô đi được là đoạn MB.

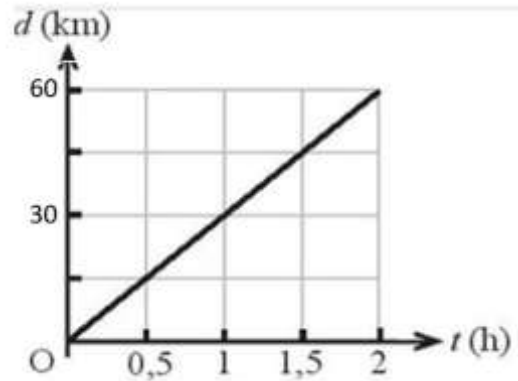
**Câu 4.** Một học sinh dùng đồng hồ đo thời gian hiện số để đo thời gian đi của một vật trên đoạn đường  $S=50\text{cm}$  và thu được kết quả được viết như sau:  $t=4,15 \pm 0,05(\text{s})$

- Giá trị sai số tuyệt đối của phép đo thời gian bằng  $0,05\text{s}$ .
- Yếu tố gây sai số của phép đo chỉ là do sai số ngẫu nhiên.
- Giá trị trung bình của phép đo thời gian là  $4,15\text{s}$ .
- Cách để loại bỏ hoàn toàn sai số ngẫu nhiên là tiến hành đo nhiều lần.

**PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.**

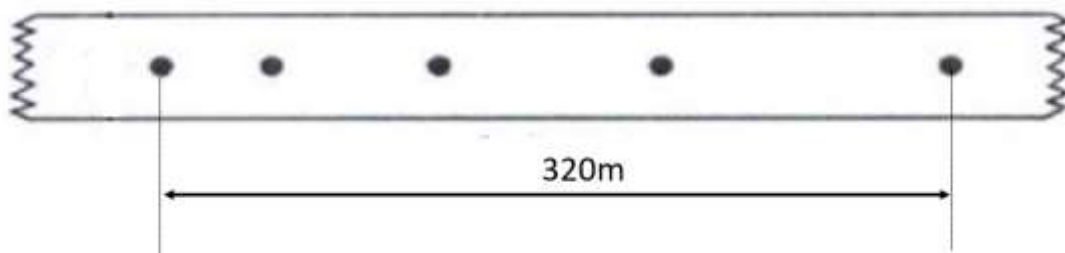
**Câu 1.**

Một ô tô chuyển động trên đường thẳng có đồ thị độ dịch chuyển – thời gian như hình. Vận tốc của ô tô bằng bao nhiêu  $\text{km/h}$ ?



**Câu 2.**

Một ô tô chạy thử nghiệm trên một đoạn đường thẳng, cứ  $5\text{s}$  thì có một giọt dầu từ động cơ của ô tô rơi thẳng xuống mặt đường. Hình dưới cho thấy mô hình các giọt dầu để lại trên mặt đường. Ô tô chuyển động trên đoạn đường này với tốc độ trung bình bao nhiêu  $\text{m/s}$ ?



**Câu 3.** Một vận động viên bơi về phía đông với vận tốc  $1,6\text{m/s}$ , nước sông chảy với vận tốc  $1,2\text{m/s}$  về phía nam. Vận tốc tổng hợp của vận động viên bằng bao nhiêu  $\text{m/s}$ ?

**Câu 4.** Tiến hành thí nghiệm đo tốc độ trung bình của viên bi thép người ta thu được kết quả đo quãng đường và thời gian cho ở bảng dưới đây:

Quãng đường $s=0,4\text{m}$			
Thời gian	Lần 1	Lần 2	Lần 3
$t (\text{s})$	0,552	0,551	0,553

Tốc độ trung bình của viên bi thép bằng bao nhiêu  $\text{m/s}$ ? (làm tròn kết quả sau dấu phẩy hai chữ số).

**Câu 5.** Một con kiến bò dọc theo cạnh của một mặt bàn có dạng hình chữ nhật ABCD, biết  $AB=60\text{cm}$ ,  $BC=80\text{cm}$ . Khi con kiến bò từ A đến B rồi đến C thì độ dịch chuyển của con kiến là bao nhiêu mét (m)?

**Câu 6.** Một ô tô đang chuyển động trên một đoạn đường thẳng với vận tốc  $54 \text{ km/h}$  thì hãm phanh, sau  $15\text{s}$  từ lúc hãm phanh xe dừng lại. Gia tốc của xe có giá trị bằng bao nhiêu  $\text{m/s}^2$ ?

----- HẾT -----



Đề/câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	1a
101	D	D	B	B	B	A	D	D	A	B	A	A	A	B	D	B	C	B	S
103	D	C	B	D	B	C	B	A	B	C	A	B	B	A	D	B	B	D	D
105	A	B	D	C	D	A	A	C	A	C	D	B	A	B	C	B	C	D	D
107	D	C	B	C	D	D	A	B	C	D	D	C	B	B	D	D	D	D	S
102	A	A	B	A	D	C	B	C	D	D	A	A	C	C	D	B	C	A	S
104	D	D	B	C	A	C	B	C	A	C	C	D	A	C	A	A	B	A	S
106	D	A	C	B	C	A	D	B	C	B	B	C	B	A	C	C	D	D	S
108	C	C	A	C	C	C	D	A	B	A	A	C	D	C	D	A	B	B	D

1b	1c	1d	2a	2b	2c	2d	3a	3b	3c	3d	4a	4b	4c	4d	1	2	3	4
D	D	D	S	D	S	D	S	S	D	S	D	D	S	S	0,64	0,5	40	15
S	D	S	D	D	D	S	S	D	S	S	D	S	S	D	0,5	-0,5	0,64	2,5
D	D	S	S	S	D	S	D	S	D	S	D	S	S	D	0,64	15	2,5	40
D	D	S	S	S	D	S	D	S	D	D	D	S	D	S	2,5	40	15	0,5
D	D	S	S	D	D	D	S	S	S	D	D	S	D	S	30	16	2	0,72
D	D	S	S	D	D	D	D	S	D	S	D	S	S	S	30	16	-1	0,72
D	D	D	S	S	S	D	S	S	D	D	S	D	S	D	30	2	-1	0,72
D	S	D	S	S	D	D	D	S	D	S	S	S	S	D	2	30	16	1

5	6
-0,5	2,5
15	40
-0,5	0,5
-0,5	0,64
1	-1
1	2
1	16
-1	0,72